TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 557/2019/DS-PT
Ngày: 13/6/2019
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Quy

Bà Phan Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 4, ngày 02 và 09 tháng 5 năm 2019, ngày 07 và 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/DSPT ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2396/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 926/2019/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng V, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: X - VT, phường 2, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn*:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Y - ĐVB, phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Z - PVH, phường 17, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn*:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1990. (có mặt)

Địa chỉ: Z - BĐ, phường 2, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn B, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Z - PVH, phường 17, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền*:* Bà Trịnh Thị Thu Y, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: K - VVK, Phường NTB, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 22/3/2019).(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/7/2017và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng V và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Hồng V có cho bà Vũ Thị H vay số tiền tổng cộng 2.000.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 03/8/2010: cho bà Huệ vay 1.000.000.000 đồng;

Ngày 31/8/2010: cho bà Huệ vay 500.000.000 đồng;

Ngày 17/11/2010: cho bà Huệ vay 500.000.000 đồng.

Thời hạn vay: không kỳ hạn. Khi nào bà V cần lấy lại sẽ báo trước 01 tháng. Số tiền vay diễn ra trong thời kỳ hôn nhân của bà H và chồng là ông Trần Văn B.

Ngày 06/6/2017, bà V có văn bản gửi đến nhà bà H yêu cầu trả lại số tiền 2.000.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 06/6/2017 nhưng bà H không thực hiện cũng không phản hồi.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà V làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà H và ông B phải trả số tiền 2.000.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu là buộc bà H và ông B trả lại số tiền 2.000.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bà V thừa nhận có nhận 300.000.000 đồng như bị đơn trình bày, nhưng bà V không biết đó là tiền lãi hay là tiền gốc nên đồng ý để tùy Hội đồng xét xử quyết định.

Bị đơn bà Vũ Thị H và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Bà H thừa nhận có vay của bà V số tiền 2.000.000.000 đồng nhưng đã trả nợ gốc là 300.000.000 đồng vào các ngày 07/8/2012 và 12/9/2012. Ngoài ra, trong quá trình mượn nợ bà H đã trả được tiền lãi cho bà V với số tiền 765.000.000 đồng. Cho nên bà H còn thiếu lại bà V 935.000.000 đồng, bà H xin trả số nợ trên mỗi tháng là 5.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn. Khi nào nhận tiền đền bù căn nhà 07 Ngô Gia Tự, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuộc, tỉnh Đăk Lăk bà H cam kết trả nợ đủ cho bà V. Việc vay nợ này là quan hệ cá nhân giữa bà H với bà V, không liên quan đến ông Trần Văn B.

Bà H yêu cầu bà V trả lại những giấy tờ đang giữ gồm:

- 01 bản chính quyết định số 26/QĐ-TC ngày 10 tháng 7 năm 1979 của Công ty Thương nghiệp Tổng hợp;

- 01 bản chính biên bản bàn giao nhà vào ngày 25 tháng 02 năm 2008 giữa

ông Nguyễn Tú, bà Trần Thị Tho với ông Trần Văn Bình, bà Vũ Thị Huệ;

- 01 bản chính giấy sang nhượng nhà ở ngày 16 tháng 11 năm 2001 giữa ông Bùi Xuân Thành, bà Đào Thị Phượng với ông Nguyễn Tú, bà Trần Thị Tho.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn chỉ thừa nhận còn thiếu nguyên đơn theo giấy mượn nợ ngày 31/8/2010 với số tiền là 500.000.000 đồng và trong quá trình mượn nợ đã trả được nợ gốc là 300.000.000 đồng. Hiện tại bà H còn thiếu lại bà V số tiền là 200.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn B, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc T và bà Trịnh Thị Thu Y trình bày:

Ông B không hề biết gì về việc vay tiền giữa bà H với bà V. Việc vay tiền giữa bà V với bà H không liên quan đến ông B. Ông và bà H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 495/2014/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2014 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án số 2396/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh quyết định:

Căn cứ Điều 357, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Hồng V về việc đòi bị đơn – bà Vũ Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn B phải trả lại số tiền 1.700.000.000 đồng.

Buộc bà Vũ Thị H cùng ông Trần Văn B phải trả cho bà Nguyễn Hồng V số tiền 1.700.000.000 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bà H và ông B trả hết số nợ trên thì bà V phải trả lại toàn bộ giấy tờ đang giữ cho bà H gồm:

- 01 bản chính quyết định số 26/QĐ-TC ngày 10 tháng 7 năm 1979 của Công ty Thương nghiệp Tổng hợp;

- 01 bản chính biên bản bàn giao nhà vào ngày 25 tháng 02 năm 2008 giữa ông Nguyễn Tú, bà Trần Thị Tho với ông Trần Văn Bình, bà Vũ Thị Huệ;

- 01 bản chính giấy sang nhượng nhà ở ngày 16 tháng 11 năm 2001 giữa ông Bùi Xuân Thành, bà Đào Thị Phượng với ông Nguyễn Tú, bà Trần Thị Tho.

Bác yêu cầu của phía nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Vân đòi bà Vũ Thị Huệ và ông Trần Văn Bình trả số tiền là 300.000.000 đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà H và ông B còn phải chịu khoản tiền lãi theo lãi suất tương ứng với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Bà H và ông B phải đóng 63.000.000 đồng.

Bà V phải đóng là 15.000.000 đồng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 36.035.000 đồng đã đóng theo Biên lai thu số 0002598 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà V còn nhận lại số tiền 21.035.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thủ tục thi hành án.

Ngày 04 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo: Bản án sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về số tiền 300 triệu đồng với lý do số tiền này bị đơn thanh toán tiền gốc nên phải trừ ra. Số tiền này là bị đơn thanh toán lãi nên việc khấu trừ vào nợ gốc là không thỏa đáng, không phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ của vụ án.

Ngày 04/11/2018, bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do: Bị đơn có trả nợ gốc 1.200.000.000 đồng vào tài khoản số 0371003904515 của bà Nguyễn Hồng V tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tân Định nhưng nguyên đơn cố tình không cung cấp chứng từ này. Số tiền vay có liên quan đến bà Võ Thị T và bà Võ Thanh Y, bị đơn đã yêu cầu triệu tập hai người này để đối chất nhưng không được sơ thẩm chấp nhận. Tòa án xác định mối quan hệ có tranh chấp trong vụ án không đúng, từ đó dẫn đến việc áp dụng pháp luật không đúng.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, ông Trần Văn B có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do: Việc vay nợ giữa bà H và bà V ông hoàn toàn không biết. Bà H vay không mang tiền về cho gia đình và cũng không sử dụng cho mục đích sinh hoạt thiết yếu của gia đình mà bắt ông cùng trả nợ là không đúng. Thời điểm vay tiền hai con chung của ông và bà H đều đã lớn trên 18 tuổi, Bản án cho rằng bà H vay tiền để nuôi hai con là không đúng. Bà Nguyễn Hồng V dùng thế lực xã hội đen gây áp lực, khủng bố tinh thần ép buộc phải đưa các giấy tờ nhà cho bà V.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm:

Bị đơn cung cấp bổ sung tài liệu là chứng từ chuyển khoản qua ngân hàng từ tài khoản của ông Trần Văn B vào tài khoản của bà Nguyễn Hồng V số tiền 1.200.000.000 đồng. Bị đơn xác định đây là số tiền trả nợ gốc của bị đơn nhờ ông Trần Văn B chuyển trả cho bà Nguyễn Hồng V.

Ông Trần Văn B xác nhận bà Vũ Thị H nhờ ông chuyển trả vào tài khoản của bà Nguyễn Hồng V số tiền 1.200.000.000 đồng nêu trên, mọi giao dịch vay, trả là tài sản riêng của bà H, không liên quan đến ông nên ông B không đồng ý liên đới trách nhiệm.

Đại diện nguyên đơn trình bày số tiền 1.200.000.000 đồng ông Trần Văn B chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Hồng V là số tiền của một giao dịch khác giữa nguyên đơn với ông Trần Văn B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người

kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo của đương sự, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, có thêm nhiều chứng cứ bổ sung. Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm. Số tiền vốn bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 300 triệu đồng cùng 1 tỷ 200 triệu đồng, còn lại 500 triệu đồng. Buộc bà Vũ Thị H và ông Trần Văn B phải chịu nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Hồng V số tiền 500 triệu đồng nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các đương sự đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng. Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ và tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ tại vụ án và thừa nhận của các đương sự, có cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng, cụ thể ngày 03/8/2010: 1.000.000.000 đồng, mức lãi suất 2%/tháng; Ngày 31/8/2010: 500.000.000 đồng, mức lãi suất 2%/tháng; Ngày 17/11/2010: 500.000.000 đồng, mức lãi suất 2,5%/tháng. Thời hạn vay: không kỳ hạn. Lãi suất thỏa thuận trả hàng tháng. Khi nào nguyên đơn cần lấy lại số tiền cho vay sẽ báo cho bị đơn trước 01 tháng.

[3] Thực hiện hợp đồng, đến ngày 28/3/2012 nguyên đơn đã có thông báo bằng văn bản yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay trong thời hạn 02 tháng, tức đến ngày 28/5/2012 (BL70). Sau đó, thông qua Công ty cổ phần đòi nợ AK, nguyên đơn đã có Thông báo yêu cầu bị đơn trả nợ đến thời hạn trước ngày 05/4/2014 (BL81). Như vậy, thời điểm nguyên đơn biết được việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng là vào ngày 05/4/2014, nhưng đến ngày 28/7/2017 là đã quá 3 năm thì nguyên đơn mới có đơn khởi kiện. Tại giai đoạn sơ thẩm, bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, do đó căn cứ quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định thời hiệu khởi kiện về hợp đồng dân sự trong trường hợp này là đã hết.

[4] Nguyên đơn cũng đã có đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện là đòi bị đơn trả lại tài sản đối với số tiền gốc nên sơ thẩm xác định là "tranh chấp đòi lại tài

sản" là đúng, kháng cáo của bị đơn đối với việc xác định quan hệ pháp luật tại vụ án là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Bị đơn kháng cáo cho rằng bị đơn có trả nợ gốc 1.200.000.000 đồng vào tài khoản số 0371003904515 của bà Nguyễn Hồng V tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tân Định. Xét trong quá trình giải quyết sơ thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu nào để chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận nội dung lời khai này của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập bổ sung, có căn cứ xác định bà Vũ Thị H và ông Trần Văn B đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản số 0371003904515 của chủ tài khoản là bà Nguyễn Hồng V tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tân Định. Cụ thể, thời gian từ ngày 01/12/2010 đến ngày 12/9/2012, bà H và ông Trần Văn B đã giao dịch chuyển vào tài khoản trên là 20 lần với tổng số tiền là 1.902.500.000 đồng, trong đó ông Trần Văn B giao dịch chuyển vào tài khoản 02 lần, cụ thể số tiền là 1.200.000.000 đồng và 45.000.000 đồng.

Đại diện nguyên đơn cho rằng khoản tiền 1.200.000.000 đồng là giao dịch khác giữa bà với cá nhân ông B nhưng nguyên đơn không có chứng cứ nào để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Căn cứ vào thỏa thuận trả lãi hàng tháng với mức lãi suất theo hợp đồng (khoản vay ngày 03/8/2010 là 1 tỷ đồng và khoản vay ngày 31/8/2010 là 500 triệu đồng với mức lãi suất 2%/tháng; khoản vay ngày 17/11/2010 là 500 triệu đồng với mức lãi suất là 2,5%/tháng) và số tiền đã thực trả tại thời điểm trả tính đến ngày 26/7/2011, có cơ sở xác định số tiền 1,2 tỷ chuyển trả vào ngày 26/7/2011, là để trả vốn gốc.

Thời điểm từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 8 năm 2012, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng theo thỏa thuận nhưng nguyên đơn không khởi kiện, nay thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay này đã hết, do đó không xem xét giải quyết về lãi cũng như số nợ lãi của hợp đồng vay. Số tiền bị đơn trả 200.000.000 đồng vào ngày 07/8/2012 và 100.000.000 đồng vào ngày 12/9/2012 được xác định là trả vốn vay. Như vậy số tiền gốc bị đơn chưa trả là 500.000.000 đồng.

[7] Hợp đồng vay đã hết thời hiệu khởi kiện nên không đề cập giải quyết đối với phần lãi, quan hệ pháp luật tại vụ án là đòi lại quyền sở hữu tài sản. Tài sản là số tiền vốn gốc mà bị đơn chưa trả lại cho nguyên đơn là 500.000.000 đồng.

[8] Về nội dung kháng cáo của bị đơn đối với việc không đưa bà Võ Thị T và bà Võ Thanh Y tham gia tố tụng, đối chất. Xét bà Võ Thị T và bà Võ Thanh Y không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì liên quan đến tranh chấp của các đương sự tại vụ án này và cũng không có vấn đề gì liên quan cần phải đối chất chứng minh, như án sơ thẩm đã nhận định là phù hợp. Nội dung kháng cáo này của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Giao dịch vay do bà H xác lập với bà V thời điểm bà H và ông B là vợ chồng, sau đó ông Trần Văn B tham gia đưa giấy tờ nhà cho bà H cầm giữ để đảm bảo cho khoản vay, ông B cũng trực tiếp hai lần trả tiền nợ vay vào tài khoản của

bà V, nay ông cho rằng do bị ép buộc phải đưa giấy tờ nhà và chỉ chuyển giùm tiền trả nợ của vợ là không có cơ sở để chấp nhận. Án sơ thẩm buộc nghĩa vụ liên đới của ông B là phù hợp và có căn cứ.

[10] Án sơ thẩm áp dụng Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là không chính xác. Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán tài sản. Mặt khác, giao dịch dân sự có tranh chấp được xác lập từ năm 2010, tức trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì trường hợp này phải áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết, việc sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là không đúng. Nội dung kháng cáo này của bị đơn là có căn cứ.

[11] Đơn khởi kiện của nguyên đơn có nội dung yêu cầu giải quyết đối với số tiền vay 2.000.000.000 đồng và số tiền lãi. Tòa án thụ lý đơn, ấn định số tiền tạm ứng án phí của cả hai nội dung yêu cầu theo đơn khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã rút phần yêu cầu giải quyết về lãi mà Tòa án đã thụ lý, đồng thời có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bị đơn cũng có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Đáng lẽ án sơ thẩm phải đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc án sơ thẩm không tuyên phần quyết định này là có thiếu sót.

[12] Quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà V trả lại cho bà H ông B các giấy tờ về nhà đất là đúng nhưng quy định thời hạn trả sau khi bà H ông B trả hết số tiền nợ là chưa phù hợp, mà đây là khoản phải thi hành ngay khi bản án có hiệu lực, bởi lẽ đối với số tiền vay phải trả, nếu chậm trả thì đương sự có nghĩa vụ đã phải chịu khoản lãi chậm trả giai đoạn thi hành án. Việc ấn định thời hạn như án sơ thẩm là đã mặc nhiên công nhận hiệu lực về giao dịch thế chấp của hợp đồng vay, trong khi về hình thức và nội dung giao dịch thế chấp này không phù hợp quy định pháp luật.

[13] Quyết định của bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu lãi chậm trả kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm, như đối với trường hợp tranh chấp hợp đồng vay tài sản là không đúng, bởi lẽ tranh chấp tại vụ án đã được xác định là đòi lại quyền sở hữu tài sản.

[14] Tại giai đoạn phúc thẩm có phát sinh bổ sung những tài liệu chứng cứ như nêu trên, những vấn đề này có thể khắc phục, giải quyết được tại giai đoạn phúc thẩm nên chỉ cần sửa bản án sơ thẩm, không cần phải hủy bản án sơ thẩm như kháng cáo của bị đơn và ông Trần Văn B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của các đương sự; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 2396/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về lãi theo các hợp đồng vay ngày 03/8/2010; ngày 31/8/2010 và ngày 17/11/2010 giữa bà Nguyễn Hồng V với bà Vũ Thị H.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Vũ Thị H và ông Trần Văn B phải chịu nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Hồng V số tiền 500.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bà Vũ Thị H và ông Trần Văn B trả số tiền 1.500.000.000 đồng.

5. Buộc bà Nguyễn Hồng V phải trả lại toàn bộ giấy tờ đang giữ cho bà Vũ Thị H và ông Trần Văn B, gồm:

- 01 bản chính quyết định số 26/QĐ-TC ngày 10 tháng 7 năm 1979 của Công ty Thương nghiệp Tổng hợp;

- 01 bản chính biên bản bàn giao nhà vào ngày 25 tháng 02 năm 2008 giữa ông Nguyễn Tú, bà Trần Thị Tho với ông Trần Văn Bình, bà Vũ Thị Huệ;

- 01 bản chính giấy sang nhượng nhà ở ngày 16 tháng 11 năm 2001 giữa ông Bùi Xuân Thành, bà Đào Thị Phượng với ông Nguyễn Tú, bà Trần Thị Tho.

Kể từ ngày người được thi hành án đối với số tiền có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành chậm trả thì còn phải chịu khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vũ Thị H và ông Trần Văn B liên đới phải chịu: 24.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Hồng V phải chịu: 57.000.000 đồng. Chuyển thu đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Hồng V đã nộp là 36.035.000 đồng (Biên lai thu số AA/2017/0002598 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh), còn phải nộp thêm: 20.965.000 đồng.

Án phí phúc thẩm:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng V tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Biên lai AA/2017/0005928 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh).

Hoàn trả cho bà Vũ Thị H tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Biên lai AA/2017/0005881 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, do Nguyễn Ngọc Thương nộp).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí do ông Trần Văn B nộp là 300.000 đồng (Biên lai AA/2017/0005880 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì

người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Bình Thạnh;
- THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Giảng